

Quỹ ETF SSIAM VNFIN LEAD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness

Số/No.: 187/2020/TB-SSIAM-NVQ

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2020/ Hanoi, 30 Mar 2020

DANH MỤC CHỨNG KHOÁN CƠ CẤU ĐỀ  
HOÁN ĐỔI LẤY MỘT LÔ CHỨNG CHỈ  
QUỸ ETF

BASKET OF COMPONENT SECURITIES AND  
CASH  
TO EXCHANGE  
FOR AN ETF CREATION UNIT

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM  
To: Hochiminh City Stock Exchange

- Tên CTQLQ/ Fund Management company: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI
- Tên Ngân hàng giám sát/ Supervisory Bank: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam
- Tên Quỹ ETF/ ETF name: Quỹ ETF SSIAM VNFIN LEAD
- Mã chứng khoán/ Securities symbol: FUESSVFL
- Địa chỉ trụ sở chính/ Main office address: Tầng 5, 1C Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại/ Tel: 024.39366321 Fax: 024.39366337

Chúng tôi thông báo danh mục chứng khoán cơ cấu đề hoán đổi như sau/ We announce the components of the basket to exchange for an ETF Creation Unit as follow:

- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange date: 31/03/2020
- Đơn vị tính lô: 1 lô ETF tương đương: 100.000 chứng chỉ quỹ ETF  
Unit: 1 ETF Creation Unit = 100,000 ETF certificates

Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu hoán đổi 1 lô ETF/ Components and weight of securities to exchange for an ETF Creation Unit:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities code	Volume	Weight
<b>I</b>	<b>Chứng khoán/Securities</b>		
1	BID	810	3,6%
2	BVH	110	0,6%
3	CTG	3.210	8,1%
4	EIB	2.840	6,4%
5	HCM	270	0,4%
6	HDB	3.680	9,0%
7	MBB	7.010	13,6%
8	SSI	1.420	2,3%
9	STB	8.650	9,4%
10	TCB	6.590	14,0%
11	VCB	1.630	14,2%
12	VPB	7.040	18,3%
<b>II</b>	<b>Tiền/Cash (VND)</b>	<b>867.605</b>	

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ Difference between the value of Basket of component and the offering price of an ETF Creation Unit:

- + Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/The value of Basket 700.480.000 VND
- + Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/The value of an ETF Creation Unit 701.347.605 VND
- + Giá trị chênh lệch/Difference in cash 867.605 VND

- + Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch / *Plan to reduce the difference*
- Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ *With creation order* : Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ *Transfer the difference into the Fund's account*
- Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ *With redemption order* : Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ *Receive the difference after subtracting tax and redemption fee*
- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/ *In case, securities can be substituted by cash, (if any, state clearly the reason)*

STT No	Mã Chứng Khoán Securities code	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND) Substitution cash per securities (VND)	Đối tượng áp dụng Applied to	Lý do Reason
1	SSI	11.500	SSI	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch Treasury stock not yet registered for trading
2	BID	30.900	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4 a Thông tư 210/2012/TT-BTC Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC
3	MBB	13.600	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
4	TCB	14.900	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
5	VPB	18.200	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

*We declare that all information provided in this paper is true and accurate; We shall be legally responsible for any misrepresentation.*

Đại diện tổ chức

Organization representative



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Lê Thị Lệ Hằng*